

UBND HUYỆN YÊN THÀNH
TRƯỜNG G TH PHÚC THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-THPT

Phúc Thành, ngày 01 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Về thông tin về cơ sở giáo dục và thu chi tài chính năm học 2024

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Tiểu học Phúc Thành công khai thông tin về cơ sở giáo dục và thu chi tài chính năm 2024, nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC THÀNH

2. Địa chỉ

Xóm Yên Bang, xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0364549639 (HT)

Địa chỉ thư điện tử: c1phucthanh.yt@nghean.edu.vn

Cổng thông tin điện tử:

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng:

- Xây dựng nhà trường làm công tác dạy - học có nề nếp - kỷ cương- đạt chất lượng cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng.

4.2. Tầm nhìn:

- Là 1 trong 5 trường tiểu học hàng đầu của ngành GD&ĐT huyện Yên Thành. Nơi là điểm sáng để giáo viên - học sinh sẽ lựa chọn cho mình dạy - học, thể hiện quyết tâm, khát vọng vươn cao trong nghề nghiệp và cuộc sống. Đồng thời giáo dục cho học sinh: “Tự tin - Tự lực - Biết phản biện - Gắn kết thực tiễn - Định hướng tương lai”.

4.3. Mục tiêu chung:

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về việc đổi mới giáo dục Tiểu học; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo trường học an toàn và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo phẩm chất, năng lực của người học. Triển khai giáo dục STEM có hiệu quả.

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, đẩy mạnh việc đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn.

- Thực hiện nghiêm nề nếp, kỷ cương, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử và sức khỏe cho học sinh trong toàn trường, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường được thành lập từ những ngày đầu sau kháng chiến, lúc đầu là trường cấp I, sau đó sáp nhập với trường cấp II thành trường Phổ thông cơ sở đóng tại Xóm Yên Bang, xã Phúc Thành. Năm học 1988 - 1989 trường tách khỏi trường Phổ thông cơ sở thành trường cấp 1 Phúc Thành, sau đó đổi tên là trường Tiểu học Phúc Thành. Đến năm 1994 trường Tiểu học Phúc Thành tách thành hai trường: Trường Tiểu học số 2 Phúc Thành và trường Tiểu học số 1 Phúc Thành. Trường Tiểu học số 2 Phúc Thành đóng tại xóm Bình Yên, xã Phúc Thành. Trường Tiểu học số 1 Phúc Thành đóng tại xóm Yên Bang xã Phúc Thành. Tháng 8 năm 2019, trường Tiểu học số 1 và trường Tiểu học số 2 lại sáp nhập thành trường Tiểu học Phúc Thành. Trường Tiểu học Phúc Thành cơ sở chính giữ nguyên đóng tại xóm Yên Bang, cơ sở 2 đóng tại xóm Bình Yên, xã Phúc Thành. Trường có 57 cán bộ, giáo viên và hợp đồng lao động. Trong đó cán bộ giáo viên biên chế 52 người, 03 giáo viên hợp đồng thỉnh giảng, 02 cán bộ hợp đồng bảo vệ cơ quan; có 36 lớp với 1164 học sinh.

Trong những năm qua, nhà trường luôn dẫn đầu trong các phong trào thi đua và đã đạt được một số thành tích xuất sắc: Từ năm học 1988 - 1989 đến năm học 2017 – 2018, nhà trường liên tục được công nhận là tập thể Lao động Tiên tiến, Tập thể LĐXS được Chủ tịch UBND huyện, Tỉnh, Giám đốc Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT tặng Giấy khen, Bằng khen. Năm học 2003 - 2004 nhà trường được Bộ GD&ĐT tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Trường cũng đã được UBND tỉnh công nhận Đơn vị văn hoá năm 2000, trường chuẩn Quốc gia mức độ I năm học 1999 - 2000. Tháng 7 năm 2011 trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ II. Tháng 8 năm 2017 trường được công nhận lại trường chuẩn Quốc gia mức độ II. Sau khi sáp nhập, từ năm học 2019 -2020 đến năm học 2022 – 2023, trường Tiểu học Phúc Thành đã đạt được các thành tích: Tập thể LĐXS được chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen năm học 2022 – 2023; Năm học 2023 – 2024 được Sở GD&ĐT đánh giá trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3,

trường chuẩn quốc gia mức độ 2 (Có giá trị 5 năm) Kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2024; có 3 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; có 02 giáo viên được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen; 04 giáo viên được chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen. Nhiều thế hệ học sinh đã đạt được nhiều thành tích trong học tập, đạt học sinh giỏi tỉnh, Quốc gia trong các cuộc thi và giao lưu, trở thành kỹ sư, bác sĩ, cán bộ cao cấp công tác và có nhiều cống hiến trong nhiều lĩnh vực khắp mọi miền Tổ quốc và địa phương.

Sau gần 80 năm hình thành và phát triển, phải di chuyển qua nhiều địa điểm trong thời kỳ chiến tranh, sau nhiều lần tách và sáp nhập, từ những phòng học đơn sơ, đến nay trường Tiểu học Phúc Thành đã có một cơ ngơi bề thế, khang trang, đảm bảo ngôi trường “Xanh – Sạch – Đẹp”, “ Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của ngành giáo dục, đưa trường ngày càng phát triển, xứng đáng là một trong những lá cờ đầu của ngành giáo dục huyện Yên Thành.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Số điện thoại: 0364549639

Địa chỉ thư điện tử:

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường Tiểu học Phúc Thành: Số 5822/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Yên Thành.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định thành lập hội đồng trường: Quyết định số: 1114/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2021 của UBND huyện Yên Thành về việc thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026.

- Quyết định: số: 1510/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND huyện về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường, trường tiểu học Phúc Thành.

- Danh sách thành viên hội đồng:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Đại diện các tổ chức
1	Nguyễn Thị Phương	22/12/1969	BTCB -Hiệu trưởng	Chi bộ, nhà trường
2	Nguyễn Thị Doan	10/10/1977	CTCĐ, P.hiệu trưởng	Công Đoàn

3	Nguyễn Công Minh	07/9/1974	P. Hiệu trưởng	Nhà trường
4	Nguyễn Thị Hồ Anh	04/9/1972	Tổ trưởng K4,5	Tổ chuyên môn
5	Bùi Thị Minh Cường	02/12/1983	Tổ trưởng K1,23	Tổ chuyên môn
6	Phạm Thị Trường	29/01/1974	Trưởng ban thanh tra	Tổ chuyên môn
7	Nguyễn Thị Đào	20/4/1980	Thư ký hội đồng	Tổ chuyên môn
8	Nguyễn Thị Thoa	12/01/1969	Kế toán	Kế toán
9	Nguyễn Khắc Hùng	29/11/1974	TB văn hóa xã	Ban văn hóa xã
10	Lê Đình Ngọc	21/7/1976	Hội trưởng HCMHS	Hội phụ huynh
11	Nguyễn Thị Vi	22/5/1972	Tổng phụ trách đội	Đội thiếu niên

c, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định bổ nhiệm Đ/c Nguyễn Thị Phương- Hiệu trưởng : Số 6013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019.

- Quyết định bổ nhiệm Đ/c Nguyễn Thị Doan- P.Hiệu trưởng : Số 6014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019.

- Quyết định bổ nhiệm Đ/c Nguyễn Công Minh- P.Hiệu trưởng : Số 6015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019.

d, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Trường TH Phúc Thành là trường công lập do UBND huyện Yên Thành thành lập và đầu tư xây dựng CSVN, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, thực hiện chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành. Tổ chức xây dựng và phát triển nhà trường theo các quy định của BG&ĐT và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện nhiệm vụ Kiểm định chất lượng GD, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Thực hiện giảng dạy, giáo dục theo chương trình GDPT 2018;

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường: Theo Điều 3 Điều lệ Trường tiểu học: Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Cơ cấu tổ chức của trường: Thực hiện theo Điều 9- Điều lệ trường tiểu học. Cơ cấu tổ chức trường tiểu học gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; lớp học sinh

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Số điện thoại: 0364549639

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- **Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:** Kế hoạch phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. KH số 08 ngày 17/9/2020

- **Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:** Theo QĐ ban hành QC dân chủ số /QĐ-THTT ngày 13/10/2024 của Hiệu trưởng trường TH Phúc Thành, áp dụng từ năm học 2024- 2025.

- **Các nghị quyết của hội đồng trường:** Có ít nhất 3 lần họp/năm.

- **Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:** QĐ về việc phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV. Quy chế làm việc

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 55 người

Trình độ CM	Tổng số	Dân tộc	Nữ	CBQL	Giáo viên			Nhân viên		
					Tổng số	Biên chế	Hợp đồng thỉnh giảng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng lao động
ĐH	51		45	03	47	44	03	01	01	
CĐ	02		02		02	02				
TC	02		02					02	02	
Tổng	55		49	03	49	46	03	03	03	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý: 03/03 đạt 100%

- Giáo viên: 47/49 đạt 96%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Diện tích trường hiện nay là 16803,5m² ; Diện tích xây dựng: 9803,5 m² ; Diện tích sân chơi 5000 m², bãi tập: 2000 m²; Bình quân: 14,4 m² /HS. Đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối phòng hành chính quản trị: 06 phòng
- Khối phòng học tập: 42 phòng học
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng thư viện, 1 phòng thiết bị
- Khối phụ trợ: 01 phòng y tế
- Khu sân chơi, thể dục thể thao: 7000 m² - Khối phục vụ sinh hoạt : 01 nhà đa năng.
- Hạ tầng kỹ thuật : đủ so với yêu cầu tối thiểu theo quy định

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại, trường có 07 máy tính cho bộ phận hành chính, 36 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường có 40 tivi thông minh và 1 bảng tương tác có kết nối Internet phục vụ dạy học; TBDH chưa đảm bảo các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt được công khai trên trang Zalo; facebook trường.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (2023-2024):

a) Kết quả tuyển sinh;

Tên lớp	SL	SL Nữ	Tỉ lệ(%)	Dân Tộc	Tỉ lệ(%)	Nữ Dân tộc	Ghi chú
1A	38	19	50	0	0	0	0
1B	36	14	38.9	0	0	0	0
1C	36	17	47.2	0	0	0	0
1D	33	12	36.4	0	0	0	0
1E	34	14	41.2	0	0	0	0
1G	35	18	51.4	0	0	0	0
1H	36	19	52.8	0	0	0	0
Tổng Cộng Khối 1	248	113	45.6	0	0	0	0
2A	36	18	50	0	0	0	0
2B	37	23	62.2	0	0	0	0
2C	33	18	54.5	0	0	0	0
2D	36	17	47.2	0	0	0	0
2E	35	15	42.8	0	0	0	0
2G	24	7	29.2	0	0	0	0
2H	25	20	80	0	0	0	0
2I	27	11	40.7	0	0	0	0
Tổng Cộng Khối 2	253	129	51	0	0	0	0

3A	35	17	48.6	0	0	0	0
3B	35	17	48.6	0	0	0	0
3C	35	24	68.6	0	0	0	0
3D	33	16	48.5	0	0	0	0
3E	36	18	50	0	0	0	0
3G	24	12	50	0	0	0	0
3H	28	16	57.1	0	0	0	0
3I	25	12	48	0	0	0	0
Tổng Cộng Khối 3	251	132	52.6	0	0	0	0
4A	33	16	48.5	0	0	0	0
4B	33	10	30.3	0	0	0	0
4C	32	15	46.9	0	0	0	0
4D	34	19	55.9	0	0	0	0
4E	34	18	52.9	0	0	0	0
4G	32	17	53.1	0	0	0	0
Tổng Cộng Khối 4	198	95	48	0	0	0	0
5A	33	18	54.5	0	0	0	0
5B	31	15	48.4	0	0	0	0
5C	32	17	53.1	0	0	0	0
5D	32	16	50	0	0	0	0
5E	31	15	48.4	0	0	0	0
5G	28	17	60.7	0	0	0	0
5H	29	16	55.2	0	0	0	0
Tổng Cộng Khối 5	216	114	52.8	0	0	0	0
TỔNG CỘNG TOÀN TRƯỜNG	1166	583	50	0	0	0	0

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1166	248	253	251	198	216
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1166	248	253	251	198	216
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1166	248	253	251	198	216
1	Tốt	836	160	186	181	123	186
	(tỷ lệ so với tổng số)	71.7	64.5	73.5	72.1	62.1	86.1
2	Đạt	330	88	67	70	75	30
	(tỷ lệ so với tổng số)	28.3	35.5	26.5	27.9	37.9	13.9
3	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Đánh giá kết quả giáo dục cuối năm	1166	248	253	251	198	216
1	Hoàn thành xuất sắc	430	101	88	95	69	77
	(tỷ lệ so với tổng số)	36.9	40.7	34.8	37.8	34.8	35.6
2	Hoàn thành tốt	361	79	79	77	59	67
	(tỷ lệ so với tổng số)	31	31.9	31.2	30.7	29.8	31.1
3	Hoàn thành	371	64	86	79	70	72
	(tỷ lệ so với tổng số)	31.8	25.8	34	31.5	35.4	33.3
4	Chưa hoàn thành	4	4	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.3	1.6	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1166	248	253	251	198	216
1	Lên lớp	1162	244	253	251	198	216
2	Rèn luyện lại trong hè	4	4	0	0	0	0
VI	Tổng số học sinh	1166	248	253	251	198	216
1	HS được khen thưởng cấp trường	791	180	167	172	128	144
	Xuất sắc	430	101	88	95	69	77

1.1	(tỷ lệ so với tổng số)	36.9	40.7	34.8	37.8	34.8	35.6
1.2	Tiêu biểu/ từng mặt	361	79	79	77	59	67
	(tỷ lệ so với tổng số)	30.9	31.9	31.2	30.7	29.8	31
2	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	98	16	19	18	15	30

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học:

216/216, tỷ lệ 100%.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

TT	NỘI DUNG	TỔNG THU	TỔNG CHI	DƯ CUỐI NĂM HỌC
I	THU TỪ NGÂN SÁCH			
1	Ngân sách NN cấp chi lương các khoản đóng góp theo lương.	12.459.548.000	12.459.548.000	
2	chế độ chi phí học tập kỳ 1 học năm 2024-2025	49.188.000	49.188.000	
3	Ngân sách NN cấp chi hoạt động thường xuyên năm học 2024-2025	412.000.000	412.000.000	
	Số dư còn lại đến tháng 9/2024	0	0	
II	Các khoản thu từ nguồn thu của nhà trường			
1	Thu từ tiền gửi xe đạp	0	0	
CHI				

	<i>Dư cuối năm học 2024</i>			
2	Thu tiền Chăm sóc sức khỏe ban đầu	59.690.000	59.690.000	
1	Chi mua bàn ghế phòng y tế	30.750.000	30.750.000	
2	Chi pho to sổ khám sức khỏe học sinh	7.500.000	7.500.000	
3	-Chi thuốc	3.940.000	3.940.000	
4	Chi tiền khám sức khỏe định kỳ	17.500.000	17.500.000	
	<i>Dư cuối năm học 2023-2024</i>			
3	Thu thực hiện dạy Tiếng Anh tăng cường và Kỹ năng sống	49.160.000		
CHI	Thanh toán phí dạy TATC		34.348.000	
	Thanh toán tiền quản lý và điều hành dạy học Tiếng Anh tăng cường và dạy học kỹ năng sống cho cán bộ giáo viên nhân viên năm học 2023-2024		10.568.000	
	Bổ sung CSVC		4.244.000	
	<i>Dư cuối năm học 2024</i>	0	0	
4	<i>Thu từ nguồn poto</i>			
Chi	<i>Thanh toán tiền poto bài thi, pôto tài liệu năm học 2023-2024</i>			
	<i>Dư cuối năm học 2023-2024</i>			
5	Thu tiền vận động tài trợ + lãi tiền gửi	250.367.000	242.380.000	
Chi	Mua bàn ghế học sinh trên lớp học (90 bộ)		121.500.000	
-	Chi Mua 10 bộ máy vi tính		76.500.000	
-	Trang trí 24 phòng học		44.380.000	
	<i>Dư cuối năm học 2023-2024</i>			6.893.000
6	<i>Dạy tăng tiết tiếng anh, tin</i>			

C	Cộng KP được sử dụng từ nguồn thu khác tại trường năm học 22-23			
D	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học 23-24 ((Nguồn NS+ Nguồn khác)	13.305.874.240	13.305.874.240	
G	Kinh phí còn lại trong năm	0	0	
	Trong đó: Tiền Ngân sách			
	Tiền thu hoạt động tại trường			

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học Năm học 2024-2025, Trường Tiểu học Phúc Thành căn cứ Hướng dẫn số 572/HD-PGDĐT ngày 13/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học, và cụ thể hóa thành Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025, phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường; Thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Triển khai việc thực hiện KHGD, KHDH môn học, KHBD đến toàn thể GV trường; chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

* Đối với các lớp từ lớp 1 đến lớp 5

- Thực hiện theo tinh thần Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT 2018; - Tổ chức triển khai Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học;

+ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

+ Công văn của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn quy trình lựa chọn sách giáo khoa lớp 5 và lựa chọn lại sách giáo khoa lớp 1,2,3,4;

- 100% GV lớp 1, 2, 3, 4,5 được tham gia tập huấn chuyên môn, tập huấn lựa chọn SGK. Kết quả có 29/29 lớp 1, 2, 3, 4,5 (100%) học sinh được học tập và tham gia các hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu nội dung chương trình.

a. Đối với môn Tiếng Anh

Trường có 04 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, trình độ B2 Trường thực hiện dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học 2 buổi/ ngày (36 lớp từ lớp 1 đến lớp 5).

b. Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học

- Trường có 02 giáo viên dạy môn Tin học, có 02 phòng máy với 50 máy vi tính.

- Thời lượng: Học sinh lớp 3, 4,5 học Tin học 1 tiết/tuần.

3. Công tác triển khai chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

a) Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả việc sử dụng hộp thư trường. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức thông tin trên hộp thư trường và các hộp thư cá nhân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chính quyền số, chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Zoom... khi cần thiết.

- Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

b) Đối với việc triển khai thí điểm triển khai Học bạ số. Đã tổ chức tập huấn thực

hiện học bạ số cho 100% học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. 100 % giáo viên ký số và thực hiện vào cuối kì 2 năm học 2023-2024 đội ngũ thực hiện có hiệu quả tốt.

b.Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018 Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn và được tích hợp với hoạt động trải nghiệm của trường; Kết quả có 36/36 lớp (100%) được tổ chức tham gia học tập các nội dung giáo dục địa phương, tạo điều kiện để các em được tìm hiểu, trải nghiệm về bản sắc văn hóa và truyền thống địa phương mình, nơi gắn gũi với các em. Ngoài các hoạt động dạy học lịch sử địa phương tại lớp học, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động “về nguồn” nhân ngày Kỷ niệm 22/12.

c.Thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 5 Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5 và sách giáo khoa môn Ngoại ngữ 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; đơn vị đã thực hiện lựa chọn Bộ sách giáo khoa lớp 5 đúng quy định và công khai của đơn vị.

4.Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học - Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

- 100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; Giáo viên khối lớp 1-2-3-4-5 thực hiện soạn bài theo hướng dẫn phụ lục III, công văn 2345/BGD-ĐT.

- Nhà trường đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ của giáo viên trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; xây

dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học.

- Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập của học sinh.

- b) Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ hằng ngày của từng học sinh, giúp học sinh cảm thấy tự tin và vui thích với các hoạt động học tập, không so sánh học sinh này với học sinh khác; đồng thời giúp giáo viên hiểu rõ mục đích của việc đánh giá thường xuyên bằng nhận xét là: chủ yếu nhận xét, hướng dẫn trực tiếp để hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong các giờ học và hoạt động giáo dục. Các đơn vị thực hiện đánh giá học sinh trên phần mềm CSDL nhằm giảm nhẹ sức lao động của giáo viên.

- Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu chuẩn kiến thức kỹ năng, nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống; theo các mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. - Đảm bảo trong các hoạt động dạy môn học và hoạt động giáo dục đều được đánh giá.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Phương

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.